

Giám đốc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec có trách nhiệm tiếp nhận và kế thừa quyền lợi và trách nhiệm, giải quyết tiếp những vấn đề liên quan của Công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh, sắp xếp tổ chức lại thành đơn vị trực thuộc Công ty, bố trí sử dụng cán bộ và lao động đảm bảo ổn định đơn vị.

- Thời điểm bàn giao theo số liệu kiểm kê quyết toán đến ngày 31 tháng 01 năm 2004.

- Hoàn thành việc bàn giao trước ngày 05 tháng 3 năm 2004 và báo cáo kết quả về Bộ.

Điều 3. Các Vụ thuộc Bộ: Tài chính kế toán, Kế hoạch thống kê, Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị ghi tại Điều 1 thực hiện việc bàn giao và nhận bàn giao theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 5. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Kế hoạch thống kê, Thủ trưởng các Vụ, Ban thuộc Bộ, Giám đốc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec và Giám đốc công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
Thủ trưởng

Đỗ Như Đính

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số **94/2004/QĐ-NHNN** ngày **20/01/2004** về việc sửa đổi một số điều của Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số **1452/2003/QĐ-NHNN** ngày **03/11/2003** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố

giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Điều 7 được sửa đổi như sau:

“Điều 7. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố bao gồm:

1. Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;
2. Trái phiếu Chính phủ, gồm:
 - a) Tín phiếu Kho bạc,
 - b) Trái phiếu Kho bạc,
 - c) Trái phiếu công trình Trung ương,
 - d) Trái phiếu ngoại tệ,
 - đ) Công trái xây dựng Tổ quốc.

3. Các giấy tờ có giá khác được sử dụng làm tài sản cầm cố do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.”

2. Điều 16 được sửa đổi như sau:

“Điều 16. Xử lý tài sản cầm cố khi phải thu hồi nợ bắt buộc

Việc xử lý tài sản cầm cố khi phải thu hồi nợ bắt buộc thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc xử lý tài sản cầm cố của các ngân hàng vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước.”

3. Điều 19 được sửa đổi như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Xác định mức cung ứng tiền cho mục tiêu tái cấp vốn hàng quý, hàng năm, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

quyết định, bao gồm cả mức cung ứng dành cho nghiệp vụ cầm cố giấy tờ có giá và thông báo tới các đơn vị liên quan;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay cầm cố.

2. Vụ Tín dụng:

a) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của ngân hàng có trụ sở chính tại Hà Nội;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt đề nghị vay cầm cố giấy tờ có giá của các ngân hàng; chuyển bản gốc bộ hồ sơ đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt đến Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chuyển văn bản ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tới Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan qua máy Fax và theo đường bưu điện;

c) Thông báo tới ngân hàng đề nghị vay vốn về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho vay cầm cố giấy tờ có giá;

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện việc cho vay cầm cố giấy tờ có giá;

đ) Hàng tháng tổng hợp các thông tin, số liệu về nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá phát sinh tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và gửi Vụ Chính sách tiền tệ.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước:

a) Thông báo công khai lãi suất cho vay cầm cố tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;

b) Căn cứ vào bộ hồ sơ đã được Thống đốc phê duyệt (do Vụ Tín dụng gửi), làm thủ tục ký hợp đồng cho vay cầm cố giấy tờ có giá, thực hiện cho vay và thu hồi nợ gốc và lãi theo quy định tại Quy chế này;

c) Thực hiện việc lưu giữ, bảo quản, bàn giao an toàn hồ sơ, tài liệu, tài sản cầm cố và thực hiện hạch toán theo quy định;

d) Hàng tháng tổng hợp các thông tin, số liệu về nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá, phát hiện kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện gửi Vụ Tín dụng để tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Vụ Kế toán - Tài chính hướng dẫn hạch toán cho vay cầm cố giấy tờ có giá.

5. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thông báo công khai lãi suất cho vay cầm cố tại trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước;

b) Tiếp nhận và kiểm tra bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của ngân hàng xin vay trên địa bàn;

c) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt mức cho vay tối đa thông qua Vụ Tín dụng (gửi qua máy Fax của Vụ Tín dụng đồng thời gửi Vụ Tín dụng bản chính văn bản trình Thống đốc và

bản sao bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của ngân hàng);

d) Thực hiện nghiệp vụ cho vay cầm cố sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền bằng văn bản (bản Fax); thu hồi nợ gốc, lãi theo quy định tại Quy chế này;

đ) Thực hiện lưu giữ, bảo quản, bàn giao an toàn hồ sơ, tài liệu, tài sản cầm cố và thực hiện hạch toán theo quy định;

e) Hàng tháng tổng hợp các thông tin, số liệu về nghiệp vụ cho vay cầm cố, phát hiện kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện gửi Vụ Tín dụng để tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”

4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 3 và khoản 5 Điều 8.

5. Thay thế 05 mẫu, biểu đính kèm Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bằng 05 mẫu, biểu đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tên tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Giá trị thanh toán khi đến hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước								
1									
2									
B	Trái phiếu Chính phủ								
1	Tín phiếu Kho bạc								
2	Trái phiếu Kho bạc								
3	Trái phiếu công trình Trung ương								
4	Trái phiếu ngoại tệ								
5	Công trái xây dựng Tổ quốc								
Cộng									

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tên tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Giá trị thanh toán khi đến hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Trong đó	Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước								
	Tín phiếu Kho bạc								
	Trái phiếu Kho bạc								
	Trái phiếu công trình Trung ương								
	Trái phiếu ngoại tệ								
	Công trái xây dựng Tổ quốc								

Ghi chú: Cột (2) kê theo nhóm giấy tờ có cùng thời hạn thanh toán.

Lập biểu

Kiểm soát

..., ngày.....tháng.....năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
 (Ký tên, đóng dấu)

**BẢNG KÊ GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐƯỢC CHẤP NHẬN CẦM CỐ
ĐỂ VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị: 1 đồng

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tên tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Giá trị thanh toán khi đến hạn	Số tiền cho vay	Thời hạn cầm cố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
A	Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước									
1										
2										
B	Trái phiếu Chính phủ									
1	Tín phiếu Kho bạc									
2	Trái phiếu Kho bạc									
3	Trái phiếu công trình Trung ương									
4	Trái phiếu ngoại tệ									
5	Công trái xây dựng Tổ quốc									
Cộng										

Số thứ tự	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tên tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Giá trị thanh toán khi đến hạn	Số tiền cho vay	Thời hạn cầm cố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Trong đó	Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước									
	Tín phiếu Kho bạc									
	Trái phiếu Kho bạc									
	Trái phiếu công trình Trung ương									
	Trái phiếu ngoại tệ									
	Công trái xây dựng Tổ quốc									

Ghi chú: Cột (2) kê theo nhóm giấy tờ có cùng thời hạn thanh toán.

Lập biểu

Kiểm soát

..., ngày.....tháng.....năm.....
TL/THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
GIÁM ĐỐC.....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03/CC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

...*...

Số:..... /TBCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm 200.....

THÔNG BÁO

**Về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho vay
có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Ngân hàng.....**

Căn cứ Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng ban hành theo Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003 và Quyết định số...../2004/QĐ-NHNN ngày...../...../2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xin vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng..... ngày..... tháng..... năm 200....., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Ngân hàng..... với các nội dung sau:

1. Số tiền cho vay cầm cố:
2. Lãi suất cho vay cầm cố:
3. Thời hạn cho vay cầm cố cuối cùng là ngàyvới các kỳ hạn trả nợ như sau:
 - 3.1.
 - 3.2.
 - 3.3.
 -

4. Giấy tờ có giá dùng để cầm cố: theo bảng kê giấy tờ có giá được chấp nhận cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Ngân hàng.....lập số:..... ngày.....tháng.....năm 200...

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Quý Ngân hàng biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi,
- Thống đốc NHNN (để b/c),
- Sở Giao dịch hoặc CNNHNN tỉnh (để th/h);
- Các Vụ: CSTT, KTTC,
- Lưu VP, Vụ TD.

TL/THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG

(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04/CC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

---*---
Số: /TBCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm 200.....

THÔNG BÁO

**Về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chấp thuận
cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Ngân hàng.....**

Căn cứ Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng ban hành theo Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003 và Quyết định số...../2004/QĐ-NHNN ngày...../...../2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị cầm cố của Ngân hàng..... ngày...../...../200....., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Ngân hàng..... với lý do như sau:

1/

2/

3/ ...

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Quý Ngân hàng biết./.

TL/THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG

Nơi nhận:

- Như đề gửi,
- Thống đốc NHNN (để b/c),
- Các Vụ: CSTT, KTTC,
- Lưu VP, Vụ TD.

(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/CC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
---*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KHẾ ƯỚC CHO VAY CÓ BẢO ĐẢM BẰNG
CẦM CỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

Số:.....

Tên ngân hàng xin vay cầm cố:.....Mã số.....

Địa chỉ:

Số hiệu tài khoản tiền gửi:

Số hiệu tài khoản tiền vay:.....

Mở tại:

Căn cứ đề nghị xin vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá tại công văn số..... ngày...../...../ 200... của.....đã được chấp thuận theo nội dung thông báo số.....ngày...../...../ 200.... kèm theo bảng kê giấy tờ được chấp nhận cầm cố số ngày...../...../ 200..... của.....Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng..... nhận nợ vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các nội dung sau:

Số tiền vay cầm cố:

Bằng chữ:.....

Lãi suất vay cầm cố:

Thời hạn vay cầm cố:.....kể từ ngày nhận nợ, và được phân chia theo các kỳ hạn trả nợ tại mặt sau khế ước này.

Mục đích xin vay cầm cố:

Ngân hàng xin vay cam kết thực hiện đúng Quy chế cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng ban hành theo Quyết định số 1452/2003/QĐ-NHNN ngày 03/11/2003 và Quyết định số...../2004/QĐ-NHNN ngày...../...../2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

NGÂN HÀNG XIN VAY CẦM CỐ
....., ngày.....tháng.....năm 200...

TRƯỞNG PHÒNG.....
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/CC

CHẤP NHẬN CHO VAY CÓ BẢO ĐẢM BẰNG CẦM CỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số tiền cho vay cầm cố:

Bằng chữ:.....

Lãi suất cho vay cầm cố:

Thời hạn cho vay cầm cố:

Loại giấy tờ được chấp nhận cầm cố:.....

Mục đích cho vay cầm cố:.....

NGÂN HÀNG CHO VAY CẦM CỐ

....., ngày.....thángnăm 200.....

TRƯỞNG PHÒNG.....

(Ký, họ tên)

TL/THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

GIÁM ĐỐC.....

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHÁT TIỀN VAY VÀ KỲ HẠN TRẢ NỢ

Phát tiền vay (cầm cố)			Kỳ hạn trả nợ	
Ngày, tháng, năm	Số tiền cầm cố	Ký nhận (Đóng dấu)	Ngày, tháng, năm	Số tiền

THEO DÕI TRẢ NỢ VÀ NỢ QUÁ HẠN

Ngày, tháng, năm	Số tiền trả nợ	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Dư nợ	
			Tổng số	Quá hạn

09639172